

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 164/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 6 – 2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 298/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị G, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số C khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Mai Minh H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà G và ông H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị G trình bày: Bà và ông Mai Minh H là vợ chồng cưới nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/8/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà và ông H đã ly thân với nhau cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Minh H.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông H có 02 con chung tên Mai Minh H1, sinh ngày 01/01/2010 và Mai Minh H2, sinh ngày 17/7/2014, hiện con đang sống với bà G. Khi ly hôn, bà G xin được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, bà G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà G xác định bà và ông H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định bà và ông H không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 07/6/2024, bị đơn ông Mai Minh H trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà G về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và tình trạng hôn nhân. Hiện nay ông và bà G đã ly thân với nhau. Nay bà G yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông xác nhận có 02 con chung như lời của bà G đã trình bày. Khi ly hôn ông đồng ý giao các con chung cho bà G được trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông H xác định ông và bà G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác định ông và bà G không có nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị G và ông Mai Minh H chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và có 02 người con chung tên Mai Minh H1, sinh ngày 01/01/2010 và Mai Minh H2, sinh ngày 17/7/2014. Bà G và ông H sống chung với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân cho đến nay. Bà G và ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông H đồng ý yêu cầu ly hôn của bà G, ông H đồng ý giao 02 con chung cho bà G nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị G.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị G được ly hôn với ông Mai Minh H.

Về con chung: Giao cháu Mai Minh H1, sinh ngày 01/01/2010 và Mai Minh H2, sinh ngày 17/7/2014 cho bà G tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà G không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Mai Minh H. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông H có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Nguyên đơn là bà Phan Thị G có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Nguyên đơn là Phan Thị G và bị đơn là ông Mai Minh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị G:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Phan Thị G và ông Mai Minh H tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 133 đăng ký ngày 26/8/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà G và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Thấy rằng, trong quá trình chung sống, bà G cho rằng do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông H đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa bà và ông H cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông H.

Ông Mai Minh H cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng từ khi sống ly thân đến nay, ông cũng không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông và bà G vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh nên đồng ý ly hôn với bà Phan Thị G.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa bà G và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị G đối với ông Mai Minh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về nuôi con chung: Bà G và ông H xác định con chung là Mai Minh H1, sinh ngày 01/01/2010 và Mai Minh H2, sinh ngày 17/7/2014, hiện đang sống với bà G. Trên cơ sở đề nghị của bà G, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập nên bà G và ông H thống nhất khi ly hôn bà G sẽ là người trực tiếp, nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung. Thấy rằng, sự thống nhất của bà G và ông H về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét giao các con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị G và ông Mai Minh H thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Về án phí: Bà Phan Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị G.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị G được ly hôn với ông Mai Minh H.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Mai Minh H1, sinh ngày 01/01/2010 và Mai

Minh H2, sinh ngày 17/7/2014. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà G không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị G và ông Mai Minh H thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bà Phan Thị G phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp công quỹ Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006558 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

